

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2264 /UBND-TH

Bình Định, ngày 28 tháng 03 năm 2024

V/v báo cáo tình hình thực
hiện cơ chế tự chủ của các
đơn vị sự nghiệp công lập
trên địa bàn tỉnh năm 2023

Kính gửi: Bộ Tài chính.

Căn cứ chế độ báo cáo về kết quả thực hiện chế độ tự chủ được quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Trên cơ sở báo cáo của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh và tổng hợp của Sở Tài chính, UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính về tình hình thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh năm 2023 *theo Phụ lục và biểu mẫu đính kèm theo Công văn này.*

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ HCSN (BTC);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- CVP, PVPTH;
- Lưu: VT, K17.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

BÁO CÁO THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP TỈNH BÌNH ĐỊNH NĂM 2023

(Kèm theo Công văn số: /UBND-TH ngày /3/2024 của UBND tỉnh)

DVT: triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập	Trong đó: Số lượng đơn vị được giao thực hiện từ chủ tài chính theo Nghị định 60/2022/ND-CP	Số lượng lao động			Nguồn tài chính											Sử dụng nguồn tài chính														Chênh lệch thu chi	Trích lập các Quỹ				
				Tổng số người làm việc	Trong đó: số người hưởng lương từ NSNN	Tổng quỹ lương ngạch bậc, chức vụ	Tổng cộng	Nguồn Ngân sách nhà nước cấp				Nguồn thu sự nghiệp				Tổng cộng	Chỉ từ nguồn ngân sách nhà nước cấp								Chỉ từ nguồn thu sự nghiệp								Tổng cộng	Quỹ phát triển sự nghiệp	Quỹ bổ sung thu nhập/ dự phòng ổn định thu nhập	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Quỹ khác
								Tổng số	NSNN đặt hàng, hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ	NSNN cấp chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ	Tổng số	Nguồn thu phí được để lại chi	Nguồn thu dịch vụ khác	Nguồn vay nợ, viện trợ		Nguồn khác	Tổng số	Chi thực hiện đặt hàng, hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công	Trong đó: Quỹ lương	Chi thường xuyên giao tự chủ	Trong đó: Quỹ lương	Chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ	Tổng số	Chi phục vụ công tác thu phí	Trong đó: Quỹ lương	Chi hoạt động dịch vụ khác	Trong đó: Quỹ lương	Chi vay nợ, viện trợ	Chi khác							
A	B	1	1a	2	2a	3	4=5+9	5=6+7+8	6	7	8	9=10+11+12+13	10	11	12	13	14=15+19	15=16+17+18	16	16a	17	17a	18	19=20+21+22+23	20	20a	21	21a	22	23	24	25=26+27+28+29	26	27	28	29	
	TỔNG SỐ	736	736	30.161	23.874	2.978.801	7.403.189	4.682.209	36.020	3.302.488	1.343.701	2.720.978	63.708	2.476.506	1.552	179.214	6.911.607	4.523.534	37.621	13.831	3.190.756	2.692.793	1.295.157	2.428.001	44.726	18.226	2.271.234	661.594	1.110	108.448	398.168	335.534	90.821	146.428	79.635	18.650	
I	Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên và chi đầu tư	8	8	360	0	25.609	128.664	0	0	0	0	128.664	4.711	83.001	0	40.952	84.395	0	0	0	0	0	0	97.378	2.494	1.185	94.880	24.424	0	4	31.286	31.286	7.763	20.535	2.582	406	
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo																																				
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp																																				
3	Lĩnh vực y tế																																				
4	Lĩnh vực thông tin, truyền thông																																				
5	Lĩnh vực khoa học và công nghệ																																				
6	Lĩnh vực sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch																																				
7	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác	8	8	360	0	25.609	128.664	0	0	0	0	128.664	4.711	83.001	0	40.952	84.395	0	0	0	0	0	0	97.378	2.494	1.185	94.880	24.424	0	4	31.286	31.286	7.763	20.535	2.582	406	
II	Đơn vị tự bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên	39	39	4.134	115	341.202	1.856.856	313.607	15.927	3.915	293.765	1.543.250	24.209	1.409.416	683	108.941	1.629.516	282.055	15.652	4.396	3.915	0	262.488	1.363.034	13.521	6.707	1.256.003	314.876	661	90.365	194.915	162.956	56.037	56.172	47.642	3.105	
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	2	2	308	115	33.951	104.956	48.540	0	3.915	44.624	56.417	0	55.864	0	553	89.524	48.480	0	0	3.915	0	44.565	41.044	0	0	40.933	33.951	0	111	14.339	14.339	4.279	5.187	4.873	0	
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp																																				
3	Lĩnh vực y tế	3	3	2.438	0	217.973	1.069.605	205.104	0	0	205.104	864.501	43	863.775	683	0	969.235	179.908	0	0	0	0	179.908	789.327	0	0	788.666	217.973	661	0	75.152	73.377	24.437	14.022	32.893	2.025	
4	Lĩnh vực thông tin, truyền thông																																				
5	Lĩnh vực khoa học và công nghệ																																				
6	Lĩnh vực sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch																																				
7	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác	34	34	1.388	0	89.278	682.295	59.963	15.927	0	44.036	622.332	24.166	489.778	0	108.388	570.756	53.667	15.652	4.396	0	0	38.015	532.663	13.521	6.707	426.404	62.952	0	90.254	105.424	75.240	27.321	36.963	9.876	1.080	
III	Đơn vị tự bảo đảm một phần chi hoạt động thường xuyên	205	205	11.488	10.313	1.203.261	2.704.590	1.758.340	20.093	1.173.226	565.021	946.249	23.436	901.913	0	20.901	2.555.651	1.677.915	21.969	9.435	1.100.689	928.153	555.257	877.736	19.333	3.654	847.194	297.194	0	11.210	116.225	109.874	22.475	52.774	27.521	7.105	
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	158	158	6.534	5.924	679.458	1.154.612	881.068	0	808.802	72.266	273.544	0	272.300	0	1.244	1.085.627	846.048	0	0	774.390	648.832	71.658	239.579	0	0	238.352	89.257	0	1.227	46.055	63.409	14.407	30.427	18.362	213	
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp	6	6	175	131	16.826	44.249	33.461	0	23.562	9.899	10.788	1.229	8.145	0	1.414	41.196	34.725	2.239	0	22.953	16.787	9.533	6.471	0	0	5.092	1.097	0	1.379	3.034	2.508	644	1.298	418	148	
3	Lĩnh vực y tế	16	16	3.928	3.707	446.384	1.137.769	675.323	0	294.937	380.386	462.446	995	461.451	0	0	1.079.418	630.880	0	0	261.365	227.399	369.515	448.538	928	378	447.610	194.519	0	0	47.480	25.651	4.336	11.626	6.098	3.591	
4	Lĩnh vực thông tin, truyền thông	3	3	148	139	14.149	67.442	54.321	0	17.253	37.068	13.121	0	8.239	0	4.883	65.807	55.445	0	0	15.109	13.067	40.335	10.363	0	0	6.562	1.083	0	3.801	4.550	393	2.690	837	630		
5	Lĩnh vực khoa học và công nghệ	5	5	148	69	10.757	46.005	24.791	0	7.114	17.676	21.215	0	18.843	0	2.372	42.813	24.133	0	0	6.481	5.348	17.652	18.680	0	0	18.662	5.409	0	18	2.903	2.903	633	657	543	1.070	
6	Lĩnh vực sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch	3	3	146	142	10.408	36.383	26.522	3.102	6.825	16.595	9.862	7.243	2.614	0	5	32.183	25.464	2.739	1.984	6.283	5.107	16.443	6.719	5.126	2.659	1.591	658	0	3	2.790	2.790	418	2.192	180	0	
7	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác	14	14	409	201	25.280	218.130	62.856	16.991	14.734	31.131	155.274	13.969	130.322	0	10.983	208.606	61.220	16.991	7.451	14.107	11.613	30.122	147.386	13.279	617	129.325	5.171	0	4.782	9.412	8.063	1.643	3.884	1.083	1.452	
IV	Đơn vị sự nghiệp do NSNN bảo đảm toàn bộ chi hoạt động thường xuyên	484	484	14.179	13.446	1.408.729	2.713.079	2.610.262	0	2.125.347	484.916	102.816	11.352	82.176	869	8.419	2.642.045	2.563.564	0	0	2.086.152	1.764.641	477.412	89.853	9.378	6.680	73.156	25.100	449	6.869	55.743	31.418	4.547	16.947	1.890	8.034	
1	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo	429	429	13.014	12.367	1.327.241	2.350.331	2.258.291	0	1.999.496	258.795	92.041	10.732	75.543	0	5.766	2.309.395	2.226.952	0	0	1.971.027	1.675.238	255.925	82.443	9.334	6.680	69.106	24.780	0	4.003	39.881	21.457	4.144	9.958	783	6.572	
2	Lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp	5	5	67	67	6.590	17.267	16.081	0	8.231	7.850	1.186	568	527	0	91	14.185	14.050	0	0	8.202	5.824	5.848	135	0	0	135	36	0	0	3.082	367	242	10	115	0	
3	Lĩnh vực y tế	2	2	35	35	3.676	9.687	9.109	0	5.045	4.064	578	0	578	0	0	8.294	8.294	0	0	4.483	3.676	3.811	0	0	0	0	0	0	0	1.140	803	0	562	241	0	
4	Lĩnh vực thông tin, truyền thông	5	5	57	51	4.278	12.499	11.846	0	6.454	5.392	653	0	582	0	71	12.073	11.526	0	0	6.185	4.133	5.341	547	0	0	60	0	0	487	425	176	0	0	171	5	
5	Lĩnh vực khoa học và công nghệ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
6	Lĩnh vực sự nghiệp văn hóa, thể thao và du lịch	12	12	366	352	26.426	120.152	117.773	0	44.251	73.521	2.378	34	2.344	0	0	114.915	112.548	0	0	40.584	30.097	71.964	2.367	34	0	2.333	198	0	0	5.236	3.278	29	2.774	0	476	
7	Lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác	31	31	640	574	40.518	203.144	197.163	0	61.870	135.294	5.981	18	2.603	869	2.491	183.183	190.194	0	0	55.671	45.673	134.523	4.361	10	0	1.523	86	449	2.379	5.978	5.337	132	3.644	580	981	

Phụ lục số 7

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16 tháng 9 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2023

(Kèm theo Công văn số: /UBND-TH ngày /3/2024 của UBND tỉnh)

I. Đánh giá chung

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2022 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực: giáo dục đào tạo; giáo dục nghề nghiệp; y tế - dân số; văn hóa, thể thao và du lịch; thông tin và truyền thông; khoa học và công nghệ; các hoạt động kinh tế và lĩnh vực khác trên địa bàn tỉnh Bình Định; Tính đến thời điểm báo cáo, tỉnh Bình Định đã giao quyền tự chủ tài chính giai đoạn 2022-2025 cho 736/736 đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ, đạt tỷ lệ 100%.

Đồng thời, trong năm 2023, UBND tỉnh Bình Định đã ban hành Quyết định 3416/QĐ-UBND ngày 14/09/2023 về Kế hoạch đổi mới và nâng cao năng lực tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2023 - 2025 và các năm tiếp theo; nhằm mục tiêu đẩy mạnh việc áp dụng cơ chế đặt hàng cung cấp các dịch vụ sự nghiệp công gắn liền với nhu cầu sử dụng, với số lượng, chất lượng cụ thể để đảm bảo hiệu quả đầu tư từ NSNN, tránh lãng phí. Cùng với đó, có lộ trình cụ thể thực hiện cơ chế đầu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN để tạo điều kiện cho cơ sở ngoài công lập cùng tham gia cung cấp. Qua đó, giúp giảm dần các sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thực hiện theo phương thức giao nhiệm vụ, giao kế hoạch. Ngân sách sẽ chuyển từ hỗ trợ cho các đơn vị sự nghiệp công sang hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng người nghèo, đối tượng chính sách khi sử dụng dịch vụ sự nghiệp công cơ bản, thiết yếu; chuyển từ hỗ trợ theo cơ chế cấp phát bình quân sang cơ chế Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công căn cứ vào chất lượng đầu ra hoặc đầu thầu cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

II. Đánh giá cụ thể

1. Về thực hiện nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng của các đơn vị sự nghiệp:

a) Về tổ chức bộ máy, tình hình sắp xếp bộ máy của các đơn vị:

Việc giao quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập đã tạo điều kiện cho các đơn vị sự nghiệp công lập chủ động sắp xếp, bố trí lại bộ máy một cách khoa học, hợp lý, phân công nhiệm vụ cụ thể, rõ ràng đối với người lao động, từ đó nâng cao chất lượng làm việc của đội ngũ công chức, viên chức.

Các đơn vị sự nghiệp công lập đã chủ động sử dụng nguồn nhân lực để phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động cung cấp dịch vụ công, góp phần tăng thu, tiết kiệm chi, động viên được người lao động nâng cao tinh thần trách nhiệm, tính dân chủ, sự gắn kết trong hoạt động của người lãnh đạo và người lao động trong đơn vị.

b) Về số lượng cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng của các đơn vị:

Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng có mặt: 30.161 người

Trong đó:

+ Số lượng cán bộ, viên chức trong biên chế được giao: 23.874 người;

+ Số lượng lao động hợp đồng tại các đơn vị SNCL: 6.287 người.

Việc quản lý và sử dụng biên chế của tỉnh được thực hiện theo đúng các quy định của Nhà nước. Các cơ quan được giao biên chế đã thực hiện tuyển dụng người vào làm việc theo đúng nhu cầu, vị trí việc làm, bảo đảm tiêu chuẩn chức danh theo quy định. Thực hiện tinh giản biên chế đối với những viên chức không hoàn thành nhiệm vụ, không đạt tiêu chuẩn quy định về phẩm chất, năng lực, sức khỏe, những người dôi dư do xác định vị trí việc làm và sắp xếp tổ chức.

c) Về kết quả thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị

- Năm 2023, cơ bản các đơn vị sự nghiệp công lập trong các lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Bình Định đã hoàn thành được các nhiệm vụ được giao trong năm và chấp hành chính sách chế độ, các quy định về tài chính. Việc giao quyền thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính đã giúp các đơn vị sự nghiệp công lập chủ động trong việc sử dụng biên chế, tài sản và kinh phí một cách hợp lý, tăng cường khai thác nguồn thu, thu đúng, thu đủ để đảm bảo yêu cầu hoạt động của đơn vị, phát triển và mở rộng các hoạt động dịch vụ ngày càng đa dạng và phong phú hơn, nâng cao được chất lượng dịch vụ, đầu tư thêm được cơ sở vật chất; tạo được những chuyển biến tích cực trong quản lý tài chính, ngân sách ở các cơ quan, đơn vị và tạo ra cơ chế khuyến khích các cơ quan, đơn vị chi tiêu có hiệu quả, hướng đến kết quả đầu ra, tiết kiệm ngân sách.

- Đối với các hoạt động dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước (NSNN); hoạt động dịch vụ khác: việc giao thực hiện cơ chế tự chủ về tài chính đã giúp các đơn vị chủ động trong việc sử dụng biên chế, tài sản và kinh phí một cách hợp lý, tăng cường khai thác nguồn thu, thu đúng, thu đủ để đảm bảo yêu cầu hoạt động của đơn vị, phát triển và mở rộng các hoạt động dịch vụ ngày càng đa dạng và phong phú hơn, nâng cao được chất lượng dịch vụ, đầu tư thêm được cơ sở vật chất;

tạo được những chuyển biến tích cực trong quản lý tài chính, ngân sách ở các cơ quan, đơn vị và tạo ra cơ chế khuyến khích các cơ quan, đơn vị chi tiêu có hiệu quả, hướng đến kết quả đầu ra, tiết kiệm ngân sách. Trên cơ sở đó từng bước cải thiện thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

2. Về kết quả thực hiện giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị

- Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Bình Định 736 đơn vị;

Trong đó:

+ Số đơn vị tự bảo đảm chi đầu tư và chi thường xuyên: 8 đơn vị;

+ Số đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên: 39 đơn vị;

+ Số đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên: 205 đơn vị;

+ Số đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên: 484 đơn vị.

3. Về thực hiện tự chủ tài chính của các đơn vị

a) Về mức thu sự nghiệp: hiện nay, các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định thực hiện thu các khoản phí, lệ phí theo mức thu quy định tại Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND tỉnh Bình Định về việc quy định về các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 61/2022/QĐ-UBND ngày 16/09/2022 và Quyết định số 85/2023/QĐ-UBND ngày 19/12/2023 của UBND tỉnh Bình Định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Quyết định số 76/2021/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 và các khoản thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, thu hoạt động dịch vụ khác do đơn vị tự quyết định và đơn giá Nhà nước đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công.

b) Về nguồn thu, chi thường xuyên:

+ Tổng nguồn tài chính chi thường xuyên: 7.403.189 triệu đồng;

+ Tổng chi hoạt động thường xuyên: 6.911.607 triệu đồng.

c) Phân phối kết quả tài chính:

- Phân phối các Quỹ: 335.534 triệu đồng.

+ Trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp: 90.821 triệu đồng;

+ Trích Quỹ bổ sung thu nhập: 146.428 triệu đồng;

+ Trích Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi: 79.635 triệu đồng;

+ Trích quỹ khác: 18.650 triệu đồng.

d) Tình hình thu nhập tăng thêm của người lao động:

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập tăng thêm dưới 1 lần lương: 483 đơn vị;

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập tăng thêm từ 1-2 lần lương: 10 đơn vị;

- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập tăng thêm từ 2-3 lần lương: 01 đơn vị;
- Số đơn vị có hệ số tăng thu nhập tăng thêm từ trên 3 lần lương: 02 đơn vị.
- Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm cao nhất là 42 triệu đồng/tháng (Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).
- Đơn vị có người có thu nhập tăng thêm thấp nhất là 0,01 triệu đồng/tháng (Trường THCS Ngô Văn Sở, Thành phố Quy Nhơn).

đ) Tình hình xây dựng, thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ:

Số các đơn vị sự nghiệp đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ 736/736 đơn vị sự nghiệp được giao tự chủ tài chính (đạt tỷ lệ 100%).

Các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bình Định đều đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ để áp dụng thống nhất trong toàn đơn vị; qua đó, đã hạn chế phát sinh tăng chi phí, đảm bảo việc sử dụng kinh phí tiết kiệm, hiệu quả, góp phần tăng thu nhập cho người lao động.

- Các giải pháp thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ:

+ Rà soát lại biên chế, đánh giá chất lượng biên chế, sắp xếp, bố trí biên chế đúng người, đúng việc, đúng năng lực.

+ Phát động các phong trào thi đua trong nội bộ cơ quan, đơn vị, trong đó có nội dung thi đua thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

+ Bám sát các chế độ chính sách hiện hành, chi đúng theo nội dung đã quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ.

+ Căn cứ vào tình hình nhiệm vụ thực tế, các đơn vị thực hiện tiết kiệm các khoản chi phí phát sinh không cần thiết để tăng thêm thu nhập cho cán bộ, viên chức cơ quan.

e) Về thực hành tiết kiệm chi và tăng thu:

- Số đơn vị có chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên: 647 đơn vị/736 đơn vị (đạt tỷ lệ 87,91%).

- Số chênh lệch thu lớn hơn chi thường xuyên: 398.168 triệu đồng.

Trong đó: Chênh lệch thu, chi từ nguồn NSNN cấp (không bao gồm kinh phí nhà nước giao nhiệm vụ, kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên), không tính chênh lệch thu chi từ nguồn vay nợ, viện trợ.

- Các giải pháp tiết kiệm chi, tăng thu:

+ Xây dựng và thực hiện nghiêm túc Quy chế chi tiêu nội bộ trên cơ sở định mức được Nhà nước quy định, phù hợp với đặc thù của từng đơn vị và được sự thống nhất của toàn thể cán bộ, viên chức, nhân viên trong toàn đơn vị;

- + Thực hiện công khai tài chính;
- + Tăng cường tính chủ động, tự giác của cán bộ, công chức trong đơn vị;
- + Xây dựng kế hoạch và các phương án thực hiện nhằm mở rộng hoạt động, phát triển nguồn thu sự nghiệp; chú trọng đến giải pháp tài chính để động viên công chức, viên chức, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng tham gia vào dịch vụ...

g) Về thực hiện các hoạt động vay vốn, huy động vốn:

- Về vay vốn của các tổ chức tín dụng: không có
- Về huy động vốn của cán bộ, viên chức trong đơn vị: không có

4. Những khó khăn, tồn tại, nguyên nhân:

- Theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính Phủ, đối với dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước, giá dịch vụ sự nghiệp công được xác định theo quy định của pháp luật về giá, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành và lộ trình tính giá theo quy định tại khoản 3, Điều 5 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP. Tuy nhiên, hiện nay, các định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong các lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công chưa được trung ương ban hành đầy đủ dẫn đến các đơn vị tại địa phương rất lúng túng trong việc xây dựng, ban hành và xác định giá dịch vụ sự nghiệp công

- Quy định tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng, cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác chưa được ban hành dẫn đến khó khăn trong việc đánh giá các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Một số đơn vị sự nghiệp công lập vẫn còn tư tưởng phụ thuộc vào kinh phí ngân sách nhà nước cấp, chưa chủ động trong thực hiện nhiệm vụ, thực hiện các giải pháp tăng thu, tiết kiệm chi;

- Các đơn vị chưa mạnh dạn huy động nguồn vốn vay, vốn liên doanh, liên kết để phát triển hoạt động sự nghiệp tại các đơn vị.

5. Đề xuất, kiến nghị:

Trên cơ sở các nội dung tổng hợp, báo cáo nêu trên, tỉnh Bình Định kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương:

+ Ban hành các định mức kinh tế - kỹ thuật áp dụng trong các lĩnh vực dịch vụ sự nghiệp công.

+ Ban hành các tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công; hướng dẫn cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước và phương thức đánh giá hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công./.